Bài phát nguyện hồi hướng sau đây, là Ngài Duy Sơn Nhiên thiền sư chép ra, để tổng hồi hướng về pháp giới Tam bảo; hoặc ai không thích, thì đổi đọc văn tịnh độ. Như "Khể thủ tây phương an lạc quốc...." "Thập phương tam thế Phật....." "Nhứt tâm quy mạng....." tùy ý, và tùy chí nguyện. Nhưng phải biết là tổng hồi hướng hay biệt hồi hướng? Chớ đừng phân biệt cố chấp mà thành ra cái bịnh xuyên tạc của kẻ tu học

1. Quy mạng thập phương điều ngự sư;
2. Diễn dương thanh tịnh vi diệu pháp;
3. Tam thừa tứ quả giải thoát tăng;
4. Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thụ;

Lạy cả: "Điều ngự sư" mười phương;
Giảng bày "Pháp" thanh tịnh vi diệu;
Ba thừa bốn quả "Tăng" giải thoát;
Xin đồng thương xót thâu nạp cho.

Bốn câu trên: Câu đầu là kính lạy ngôi Tam Bảo; câu thứ hai là lạy ngôi Pháp bảo; câu thứ ba lạy ngôi Tăng bảo; câu thứ tư là tổng quát để nguyện Tam Bảo chiếu ánh Từ Quang đến chứng nhận lời phát nguyện hồi hướng này.

Quy mạng: Cúi đầu kính lạy, là một nghĩa trong tiếng Nam mô (Namahnamo. Như: Namo Buddhàya, dịch quy mạng ư Phật, nghĩa: Kính lạy đức Phật, v.v...)

Thập phương điều ngự tức là các đức Phật ở mười phương. 10 phương là: Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc (đông nam, tây nam, tây bắc, đông bắc) thượng phương, và hạ phương.

Điều: trị, sữa. **Ngự:** gom dùng; ngăn dẹp; điều khiển. Nghĩa: với chúng-sinh sẵn có tánh nhu hòa, thì Phật điều lý cho, để đặng phước vui vô sanh; với chúng sanh còn có tánh cang cường, Phật cấm hẳn đi, khiến cho được đạo quả xuất thế gian. Số là: sức lành lan khắp, gom giáp pháp giới để sửa đổi, giáo hóa, đó là Phật bảo; với một mảy bụi không nhiễm lìa bốn điều quá (chấp có, chấp không, chấp phi có phi không, chấp cũng có cũng không), dứt hẳn trăm món quấy, đó là **Thanh Tịnh**; tròn rỗng khắp giáp, lẽ nó tuyệt nói năng suy nghĩ, đó là **Vi diệu**; nghĩa: với pháp vi diệu thanh tịnh như thế duy chỉ có Phật mới có thể chứng và biết được,

rồi ra, khắp vì chúng sanh để giảng nói diệu pháp ấy mà nêu bày giáo hóa, thế mà chúng sanh còn phần nhiều vì mê mà chưa biết hết được pháp ấy! Còn các thánh giữa tam thừa thì, tùy theo mỗi trí của mình mà chứng biết lần hồi từ mỗi phần, thế nên ta cần phải quy mạng để mà nghiên cứu kỳ cho được "ly dục thanh tịnh" đó là Pháp bảo.

Tam thừa: bốn quả Thánh Thinh Văn là Tiểu thừa; các Thánh Duyên giác, Độc giác là Trung thừa; các Thánh Bồ Tát là đại thừa. **Tứ quả:** tức là bốn quả Thánh Thinh văn như Sơ quả Tu Đà Hoàn, Nhị quả Tư Đà Hàm, Tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán. Các quả ấy đều là địa vị thánh nhơn, vì đã giải thoát hết sanh tử rồi nên xưng là Tăng bảo.

Đối với Pháp

Ba thừa tùy phận mà biết	Thánh Thinh văn chênh lệch biết Thánh Duyên giác chênh lệch biết Thánh Bồ Tát biết từ phần	Chơn đế pháp Tục đế pháp Pháp Trung đế

Người học Phật, đối với pháp "Tam đế" nếu chỉ biết bằng cách chênh lệch riêng về "chơn đế"mà thôi, thì chẳng gọi là biết đúng pháp vi diệu; vì pháp tiểu thừa thuyết ra cái chơn lý đó là nó lệch về một bên "không" nên nói các thánh Thinh văn biết pháp bằng cách lệch về chơn đế. Nghĩa: Chân, tránh cái khổ sanh tử trong tam giới, riêng hưởng lấy cái vui niết bàn ngoài ba cõi. Còn những người học Phật mà biết cả ba Đế bằng cách trọn vẹn vẫn một chẳng hai, vì với pháp sanh tử đã giác ngộ rồi hết mê hoặc, thì, pháp sanh tử tức là niết bàn. Biết như vậy mới gọi là biết đúng pháp vi diệu, nên Ma ha tát, dịch: đại giác hữu tình, nghĩa: Bồ Tát lớn đã giác ngộ mình và chúng.

●

TAM THỪA

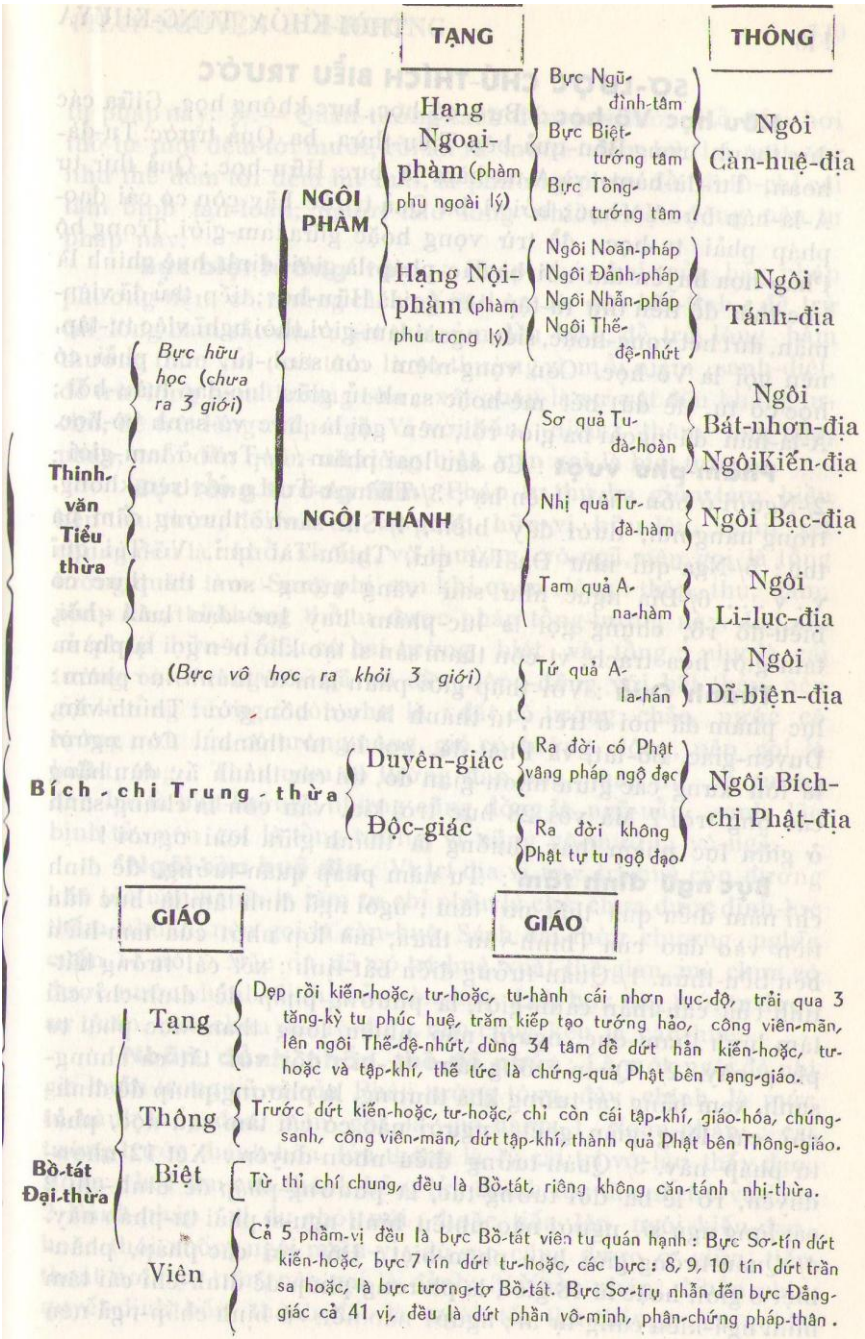

SƠ LƯỢC CHÚ THÍCH BIỂU TRƯỚC

Hữu học Vô học: Bực có học, bực không học. Giữa các đức Thánh trong bốn quả bên Tiểu thừa, ba quả trước: Tu đà hoàn, Tư đà hoàn, và A na hàm là bực hữu học; quả thứ tư A la hán bực vô học; bởi vì ba quả trước hãy còn có cái đạo pháp phải tu học, để trừ vọng hoặc giữa tam giới. Trong hội Pháp hoa huyền tán nói: ba đạo pháp là giới, định, huệ chính là học thể, để tiến thủ tu tập nên gọi là Hữu học; tiến thủ đã viên mãn, dứt hết vọng hoặc, siêu ngoài tam giới, thôi nghỉ việc tu tập, nên gọi là vô học. Còn vọng niệm còn sanh tử nên phải có học có tu, để dứt hết mê hoặc sanh tử giữa lục đạo luân hồi; A la hán đã ngoài ba giới rồi, nên gọi là bực vô sanh vô học.

Phàm phu vượt: Có sáu loại phàm:

1. Trời ở tam giới
2. Người bốn châu thiên hạ
3. Thần A tu la ở trên không, trong hang núi, dưới đáy biển
4. Súc sanh: thượng cầm hạ thú
5. Ngạ quỷ: như Đa tài quỷ, Thiểu tài quỷ, Vô tài quỷ v.v...
6. Địa ngục như sau: văn Mông sơn thí thực có biểu đồ rõ, chúng gọi là lục phàm hay lục đạo luân hồi, tam giới hỏa trạch, vì còn tham sân si tạo khổ nên gọi là phàm.

Thánh quả: Với Thập giới phân làm Tứ thánh Lục phàm: Lục phàm đã nói ở trên; Tứ thánh là với bốn giới: Thinh văn, Duyên giác, Bồ-Tát, và Phật đà, gọi là Tứ thánh... Còn người ta tôn xưng các thánh giữa nhơn gian đó, thì các thánh ấy đâu bằng các ông trời? mà với 28 bực trời kia, vẫn còn là chúng-sinh ở giữa lục phàm thay, huống là thánh giữa loài người!

Bực ngũ đình tâm: Tu năm pháp quán tưởng, để đình chỉ 5 điều quá thất nơi tâm; ngôi ngũ đình tâm là bực đầu tiên vào đạo của Thinh văn thừa, mà lớp nhứt của tam hiền bên tiểu thừa.

1. Quán tưởng điều bất tịnh: xét cái tướng bất tịnh của căn thân cảnh giới là phương pháp để đình chỉ cái tâm bịnh tham dục, người nào nhiều lòng tham dục phải tu pháp này.
2. Quán tưởng tâm từ bi: đối với tất cả chúng-sinh , xem bằng cái tướng khá thương là phương pháp để đình chỉ cái lòng giận ghét, người nào có cái tâm sâu độc, phải tu pháp này.
3. Quán tưởng điều nhơn duyên: Xét 12 nhơn duyên, rõ lẽ ba đời tương tục, là phương pháp để đình chỉ 2 cái lòng ngu si, người nào nhiều bịnh ngu si phải tu pháp này.

4. Quán tưởng giới hạn phân biệt: Đối với các pháp, phân biệt sáu giới, hoặc là 18 giới, là phương pháp để đỉnh chỉ cái tâm bịnh ngã kiến cùng tự ái; người nào nếu có bịnh chấp ngã nên tu pháp này.
5. Quán tưởng cách đếm hơi thở: Kế đếm hơi thở từ một đếm tới mười, rồi lại từ mười đếm lại một, cứ như thế đếm tới đếm lui mãi, là phương pháp để đình chỉ cái tâm bịnh tán loạn; người nào lòng nhiều loạn động nên tu pháp này.

Bực biệt tướng tâm: Pháp thứ hai của bảy pháp phương tiện, có những cách: Xét thân là đồ bất tịnh, để trừ cái lòng ham sắc dục; xét thụ cảm đều khổ, để trừ lòng ham thưởng thức vui; xét tâm là vô thường vì mỗi niệm sanh diệt, để trừ lòng ham thường còn; xét pháp là sự vật đều không tự chủ, để trừ lòng chấp ngã. Vì với bốn điều: thân, thụ, tâm, pháp, mỗi đều quán xét riêng biệt, nên gọi là biệt tướng.

Bực tổng tướng tâm: Pháp tu thứ ba giữa tam hiền bên tiểu thừa, đối với tất cả pháp hữu vi hữu lậu, quán xét chúng đều là: khổ, không, vô thường, vô ngã nên gọi là tổng tướng quán tâm. Song phi sau khi quán riêng: thân, thụ, tâm, pháp kia, thì không thể tu được pháp tổng tướng này. Lại, tất cả pháp hữu vi đều có hai tướng biệt và tổng: như là cái tướng vô thường vô ngã nó đều thông đồng với hết thảy, nên gọi là tổng tướng; còn như là: đất có tướng chắc, nước có tướng ướt, lửa có tướng nóng, gió có tướng động, nên gọi là biệt tướng... Thân nam có tướng đàn ông, thân nữ có tướng đàn bà, là biệt tướng; nhưng cũng đồng là ngũ uẩn, sanh lão bệnh tử, nên gọi là tổng tướng, vì cũng vô thường vô ngã.

Ngôi càn huệ địa: Vị trí địa vị này trí huệ còn đương khô ráo lắm nghĩa là tâm tư chỉ phần lý chứ chưa được định lực thấm nhuần, nên gọi là càn huệ. Sách đại thừa chương nghĩa cuốn 14 nói: Mặc dù đã có trí huệ xuất thế gian, mà chưa có được nước chánh định, bảo càn huệ. Lại, bực này mới tu được sự quán, chớ chưa đắc lý thủy, nên cũng kêu là càn huệ.

Noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhứt: Là một ngôi đệ nhị gia hạnh trong vũ vị của Pháp tướng tông, đây chính là mức tu hành thấy đạo, nên gọi là gia hành.

1. Noãn pháp: cái tướng trước thánh hỏa, lửa thánh là tỷ cái trí vô lậu thấy đạo, Noãn: hơi ấm của thánh hỏa, lửa thánh tức là ảnh trí vô lậu.

2. Đảnh pháp: ví dụ chót núi; hoặc tiến lên ngôi kiến đạo, hoặc thối xuống ngôi noãn vị, dù sao cũng được ở giữa tiến thoát nơi bực trên, nên gọi là đảnh.
3. Nhẫn pháp: Nhẫn chịu quyết định bốn thánh đế, là ngôi tối thù thắng, nên gọi là nhẫn.
4. Thế đệ nhứt: Bực tối thượng của trí hữu lậu, bực nhứt giữa pháp thế tục, nên gọi là thế đệ nhứt pháp. Cu xá luận cuốn 23 nói: Noãn ắt đến Niết bàn, đảnh trọn chẳng dứt thiện căn, Nhẫn chẳng đọa ác thú, đệ nhứt vào vô sanh. Với cả bốn pháp trên, đều do tu các hạnh giữa pháp tứ-đệ mà đắc như thế.

Ngôi tánh địa: Đây là quả vị về giới Nội phàm, 4 thiện căn của Tạng giáo, ngôi này đè nhẹp được kiến hoặc, tư hoặc, mới mong thấy được cái không lý của pháp tánh bằng cách mờ mờ, là tánh địa.

Ngôi bát nhơn địa: Nhơn cũng là nhẫn, do tám nhẫn: khổ, pháp, trí, nhẫn v.v... của ngôi kiến đạo, nên gọi là bát nhẫn địa, tức là nghành thập ngũ tâm của ngôi kiến đạo, mười lăm tâm của kiến đạo tuy là tám nhẫn bảy trí, song, nay đến bên quyết định nhân đạo, chỉ dùng tám nhẫn làm danh.

Ngôi kiến địa: Là cái đạo-loại-trí của nghành đệ thập lục tâm, là địa vị Dự lưu quả của Tạng giáo. Với địa vị đây: đã dứt được kiến hoặc của ba giới, thấy được cái lý: bốn đế của thượng giới, trung giới, và bốn đế của dục giới, nên gọi là kiến địa.

Ngôi bạc địa: Là đối giữa chín phẩm tư hoặc của dục giới, ngôi này dứt được sáu phẩm trước, quả vị Nhứt lai của Tạng giáo. Vì với chín phẩm tư hoặc của dục giới, chỉ còn ba phẩm sau, nên gọi là bạc địa.

Ngôi ly dục địa: Là đã đoạn hết cửu phẩm tu hoặc (tư hoặc) của dục giới, ngôi này tức là Bất hoàn quả của Tạng giáo.

Ngôi dĩ biện địa: Là ngôi này đã dứt hết cả kiến hoặc, tư hoặc, của tam giới, tức quả A la hán của Tạng giáo. Bởi vì ngôi này đối với một cái đạo lý đoạn hoặc, chỗ ra làm đã xong xuôi rồi, nên gọi là dĩ biện địa.

Ngôi Bích chi phật địa: Đây là ngôi Duyên giác, với trên hai hoặc kiến, tư của tam giới đã đoạn, lại xâm hại đến cái tập khí của hai hoặc, để vào nơi không quán. Nghĩa chữ xâm phi như chữ đoạn: Chữ Đoạn là tỷ thí như đốt than cháy thành tro, lại còn thổi

cho bay sạch hết tro đi, đó là việc của bực đệ thập Phật địa. Nay với cái tập khí của Duyên giác dường như đốt than đến thành tro rồi đình chỉ, nên nói là xâm. Duyên giác do từ Sơ địa đến đây mà chứng vào, nên gọi là Bích chi Phật địa.

Tạng, thông, biệt, viên:

1. Tam tạng giáo, tức là ba tạng kinh luật luận, bộ loại phân riêng, nói về bốn đế nhơn duyên sanh diệt; phần chính là để dạy hai thừa Thinh văn Duyên giác, phần phụ để dạy Bồ-Tát.
2. Thông giáo: Nói bốn chơn đế tức không vô sanh, khiến phổ ba thừa đồng học, nhưng dùng Bồ-Tát làm chính cơ, nhị htừa làm bằng cơ.
3. Biệt giáo: Với người nhị thừa đều chẳng đồng nhau, riêng đối với Bồ-Tát để nói về pháp đại thừa vô lượng.
4. Viên giáo: Đối với bực Bồ-Tát tối thượng lợi căn, để nói thực tướng trung đạo của sự lý viên dung. Bốn giáo trên đó, là pháp môn để hóa độ lợi ích cho chúng-sinh, nên gọi rằng hóa pháp Tứ giáo.

Từ Bực sơ địa đến ngôi đẳng giác cả 41 vị: Đấy là ngôi thứ tu chứng của Bồ-Tát : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, và ngôi đẳng giác cộng là bốn mươi mốt vị; do những công đức học tu ở bốn mươi mốt vị đó, để làm trang nghiêm cũng như tô điểm nên quả vị Phật, kêu bằng: phu tứ nhứt chi nhơn hoa, nghiêm nhứt thừa chi Phật quả.

●

Đản... tự vi chân tánh, uổng nhập mê lưu, tùy sanh tử dĩ phiêu trầm, trục sắc thinh nhi tham nhiễm. Thập triền, thập sử tích thành hữu lậu chi nhân; lục căn, lục trần vọng tác vô biên chi tội. Mê luân, khổ hải thâm nịch tà đồ; trước ngã đam nhơn, cử uổng thố trực. Luỵ sanh nghiệp chướng, nhứt thế khiên vưu.

Chỉ vì... chúng con từ trái tánh giác, luống vào dòng mê, xuôi theo biển sanh tử để trôi chìm, rượt với cuộc sắc thanh làm hám đắm. Mười triền, mười sử, chứa nên cái nhơn hữu lậu; sáu căn, sáu trần, quấy tạo cái tội vô biên. Mê man lội bể khổ, đi sâu vào đường tà, lòng chấp ngã đắm nhơn, việc bỏ ngay làm vạy. Chồng chất đời nghiệp chướng tất cả quấy lỗi.

Đoạn đây là nêu lên cái nhơn của nghiệp sanh tử. Ba câu đầu là: Từ nơi chơn tánh, phát sanh ra vọng nghiệp; Nghĩa: Từ trái

tánh giác, là điều Hoặc; luống vào dòng mê, là cái nghiệp; xuôi theo biển sanh tử, là khổ quả. Chính rằng: mê quên nơi chơn tánh, mà dấy ra vọng hoặc, từ nơi vọng hoặc để gây ra nghiệp nhơn, do nơi nghiệp nhơn rồi chịu khổ quả giữa tam giới, thực như vậy.

Câu thứ tư sắp xuống là: Từ nơi một thứ vọng này rồi chất chứa bao vọng khác. Là nói: bởi sáu căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nó rượt theo với sáu trần là: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần làm hoen ố sáu căn. Căn thuộc về tâm, Trần thuộc về cảnh; cảnh kéo trì nhau với tâm, tâm bị hoàn cảnh lôi cuốn, lẫn nhau phát khởi ra phiền não là mười triền mười sử, lắm lúc tạo những tội chướng nhiều đến số lượng! Thì lẽ tất nhiên, với ba giới sáu đạo, cứ luân hồi mãi trong vòng tròn sanh tử và đắm chìm nơi bể khổ hữu lậu đã sâu lại càng sâu!

Đường tà tức là năm lợi sử trong mười sử; nhơn ngã là năm độn sử trong mười sử: hễ sa đắm đường tà, thì, chẳng có cái chánh tri kiến để ra khỏi thế gian; còn chấp nhơn ngã, thì gây tội lỗi ở thế gian: không có lòng nhơn từ bình đẳng sanh khi điều nhận thấy lầm lệch bằng ái và ố! Thì cũng như chỗ đức Khổng Tử nói: "Làm những việc cong quẹo, bỏ các điều ngay thẳng" thật không công bình gì hết! lấy mà dùng là nghĩa chữ Cử, bỏ đi chẳng dùng là Thố; mưu tâm hạn chế việc làm trái với chánh lý là Uổng; để ý ngăn làm thuận theo chánh lý là Trực. Nghĩa: với chỗ ta yêu, dù nó là kẻ gian tham ngu bạo trái với chánh lý, thế mà ta cũng cất nhắc nó lên, để tín dụng; với chỗ ta ghét, tuy nó là kẻ nhơn trí hiền lương thuận theo chánh lý, vậy mà đành ém gạt bỏ đi. Như thế thì, cái chánh lý tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ nó rối hẳn rồi! Bất luận quân chủ hay dân chủ, chánh khách hay thứ nhơn... hễ một phen đã do nơi lòng ái, ố làm chướng ngại rồi, thì mối dây oan nghiệt cứ cột gút mãi chẳng thôi, mà với cái khiên vưu giữa ác đạo càng gấp nặng gấp sâu luôn!

Với thập triền, thập sử, lục căn, lục trần xin sắp làm ba cái biểu như sau đây:

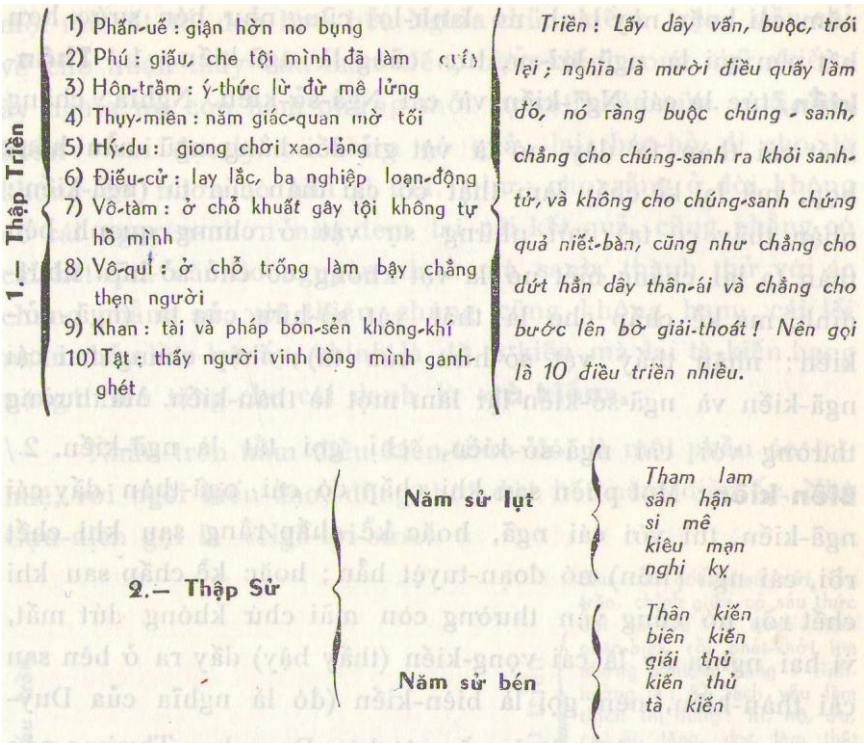

Mười Sử làm thể, mười Triền làm nghiệp dụng, do mười sử làm tiên phong, thì có nghiệp dụng của thập triền nó làm cho chúng sanh mê muội chơn tâm, buộc ràng nơi sanh tử, không lúc nào buông ra được, nếu chẳng xuất gia tu hành giải thoát.

Bốn sử tham, sân, si, mạn đều là mê chấp lấy sự vật giữa thế gian và khởi ra những quan niệm vọng hoặc của bốn ấy, tánh phận nó trì độn, nên gọi là độn sử; còn cái Nghi sử là đối với chơn lý của tứ đế mà sanh ra điều vọng hoặc này, tánh nó là do dự không quyết định gì được, thì, tánh phận cũng không tinh nhuệ chi, nên đồng loại với tham, sân, si, mạn, là ngũ độn sử.

Năm sử bén: Bởi mê muội cái lý tánh của pháp tứ đế mà khởi ra ngũ lợi sử nầy với giữa những điều vọng hoặc; năm cái hoặc này tánh nó lanh lợi cũng như bén sước hơn hết nên gọi là ngũ lợi sử, tức cũng là ngũ kiến: 1/ **Thân kiến**, tức là cái Ngã kiến và cái Ngã sở kiến. Nghĩa: chẳng biết cái thân ta đây nó là vật giả dối bằng ngũ uẩn hòa hợp, mà lại kể chấp làm thật có cái thân của ta (ngã kiến: nhận thấy có ta); với những sự vật ở chung quanh bên

thân ta lại chẳng biết nó là vật không có chủ sở hữu nhứt định, mà kể chấp cho là thật vật sở hữu của ta (ngã – sở – kiến: nhận thấy vật sở hữu của ta); nhập chung hai cái ngã kiến và ngã sở kiến lại làm một là thân kiến. Mà thường thường với cái ngã sở kiến, chỉ gọi tắt là ngã kiến. **2/ Biên kiến**: Một phen sau khi chấp có cái ngã thân dấy cái ngã kiến, thì với cái ngã, hoặc kể chấp rằng sau khi chết rồi, cái ngã (hồn) nó đoạn tuyệt hẳn; hoặc kể chấp sau khi chết rồi nó cũng vẫn thường còn mãi chứ không dứt mất, vì hai nghĩa ấy là cái vọng kiến (thấy bậy) dấy ra ở bên sau cái thân kiến, nên gọi là biên kiến (đó là nghĩa của Duy thức học). Còn chấp lệch về một bên Đoạn hay Thường nên gọi là biên kiến (đó là nghĩa của Câu Xá Luận) **3/ Giới thủ** tức giới cấm thủ kiến: do nơi cái "kiến thủ kiến" dưới đây, bèn thủ lấy cái giới cấm "phi lý, phi quá" để làm đầu, dùng lấy mỗi mỗi hành pháp kia, để làm cái nhơn sanh về các cõi Trời, hoặc để làm cái đạo Niết bàn. Trong đây có hai thứ: a/ Giữ các giới ngưu, giới kê (ăn những vật của con trâu ăn, gà ăn, hoặc ăn bằng cách như trâu gặm, gà mổ) dùng làm cái để sanh lên Trời, thế là cái **giới cấm thủ kiến** bằng cách **phi nhơn mà chấp làm nhơn**) b/Tu các giới khổ hạnh bằng cách: hoặc lấy tro tô phết vào thân thể, hoặc tịch cốc, nhịn đói, ăn rau..., dùng khổ hạnh đó để làm cái đạo Niết bàn, thế là **cái giới cấm thủ kiến** bằng các **phi đạo mà kể làm đạo**. **4/ Kiến thủ kiến**: dùng cái tri kiến hạ liệt làm đầu, thủ lấy các hạ liệt khác, để tư tưởng làm một thứ rất tốt đẹp hơn hết. Nghĩa chữ "kiến" trên: dầu chỉ về chỗ nhận thấy của thân kiến, biên kiến, song chữ "kiến" ấy nghĩa nó còn hàm những mỗi sự vật khác nữa. **5/ Tà kiến** : với đạo lý có nhơn có quả, lại bác bỏ đi cho là không có nhơn có quả gì hết, như: cho rằng ở đời không có cái nguyên nhơn nào đem lại cái kết quả, cũng chẳng có cái kết quả nào do nguyên nhơn mà sanh, thành thử với ác chúng chẳng sợ, với thiện chúng cũng không ham, cái lối nhận thấy lầm lạc ấy, chính là đã tà kiến mà lại tà kiến hạng nặng! Nên tặng cho cái danh là **"tà kiến"**

Nhẫn trên năm điều kiến thức đó, là một phần ác trí huệ, với ngôi kiến đạo, đồng thời dứt hết năm điều ấy. Nhà Cựu dịch gọi là "Ngũ lợi sử".

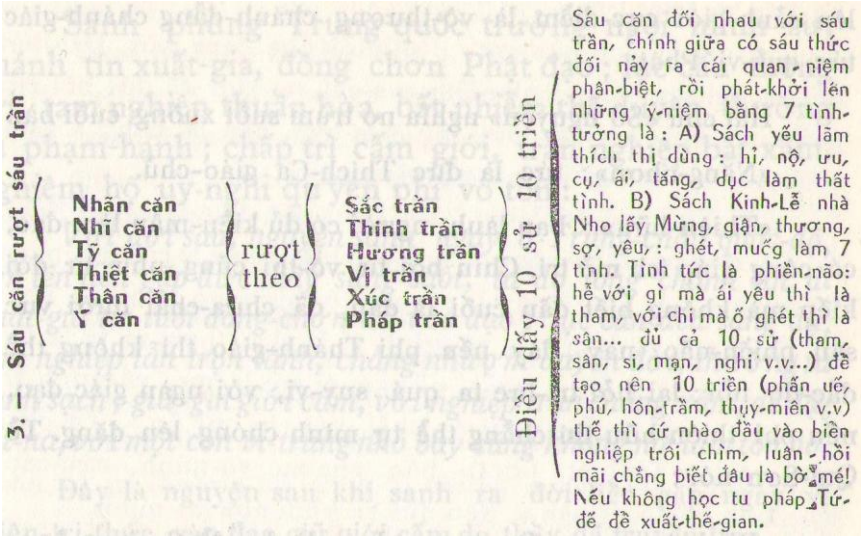

Ngưỡng Tam Bảo dĩ Từ bi, lịch nhứt tâm nhi sám hối.

Ngửa cầu Tam bảo duỗi từ bi, cúi nhỏ nhứt tâm xin sám hối.

Đây là chung ngửa kính ngôi Tam bảo để cầu sám hối. Chữ "ngưỡng" là ngửa mặt trông lên trên để mà cầu xin. Chữ "Lịch" là nước nhỏ từ giọt có tiếng, tức là: Nghiêng tận đáy lòng để lộ trần những điều tội lỗi không còn sót giấu. Như nghiêng bình rót nước ra hết chảy từ vòi đến từ giọt không còn sót một điểm nào.

Sở nguyện năng nhơn chửng bạt, thiện hữu đề huề, xuất phiền não chi thâm uyên, đáo bồ đề chi bỉ ngạn:

Cúi xin đức Năng nhơn cứu vớt, các thiện dắt dìu, lên khỏi vực sâu phiền não, tiến đến ngàn giác bồ đề.

Đây cho đến rốt bài điều dùng vâng Tam Bảo trên cầu chứng sám hối, để riêng dấy cái nguyện tự lợi lợi tha. Bốn câu ở trên đây: là chính tự mình nguyện nhờ cứu dắt tiến lên cảnh giới cực điểm là vô thượng chánh đẳng chánh giác tức quả vị Phật.

Hai chữ "Sở nguyện" nghĩa nó trùm suốt xuống cuối bài.

"Năng nhơn": tức là đức Thích Ca giáo chủ.

"Thiện hữu": bạn lành, người có đủ kiểu mẫu làm đạo, có công giúp ích mở trí. Chỉ bởi từ vô thỉ cũng như từ đời kiếp mà không biết đầu cuối là đâu, đã chứa chất dưới vực sâu phiền não, nay đây nếu phi Thánh giáo thì không thể đắc độ nổi; lại bởi trí lực

ta quá suy vi, với ngàn giác đạo, nếu phi thiện hữu thì chẳng thể tự mình chóng lên đặng. Tổ Quy Sơn nói:

"Đi đường xa, cốt nương bạn lành, để thường được trong sạch nơi tai nghe, mắt thấy; đến trụ chỗ nào, ắt phải chọn bạn, để mỗi giờ được nghe chỗ mà bấy lâu chưa nghe".

Nên chi, với đạo cả, nếu muốn nghe nhiều hiểu rộng, thì lẽ tất nhiên là trước nhứt ta nên thân cận thiện hữu, đó chính trên đây bảo thế.

Thử thế phước cơ mạng vị các nguyện xương long; lai sanh trí chủng linh miêu đồng hi tăng tú.

Đời này: với nền phước ngôi mạng, đều nguyện chung được thanh cao; kiếp sau, giống trí mạ linh, đồng cầu cùng nhau thêm tốt.

Đây là nguyện khắp cả người với ta đồng đặng phúc huệ. Kiếp trước đã đắp xây nền phước, đời nay ngôi mạng thanh cao; hiện nay đem giống trí của Phật gieo vào ruộng Tâm ta, mai sau này mầm linh chồi đạo mỗi giờ càng thêm tốt; mãi đến sau khi đã hoàn toàn kết quả bồ đề rồi, mà với mục đích chí nguyện ấy từ thỉ chí chung phi riêng vì đề cầu cho một cá nhân mình, mà chính vì phổ nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng đắc như thế.

Sanh phùng Trung quốc trưởng ngộ minh sư, chánh tín xuất gia, đồng chơn nhập đạo; lục căn thông lợi, tam nghiệp thuần hòa, bất nhiễm thế duyên, thường tu phạm hạnh; chấp trì cấm giới, trần nghiệp bất xâm, nghiêm hộ uy nghi quyên phi vô tổn:

Với đời sau, nguyện sanh ngay ở Trung châu quốc độ, lớn lên liền gặp đức thầy sáng suốt, ta do lòng chánh tín đi xuất gia từ tuổi đồng chơn đã vào đạo; lục căn đều sáng dạ, tam nghiệp lẫn trọn lành, chẳng nhuợm duyên đời, thường tu hạnh sạch; giữ gìn giới cấm, với nghiệp trần chẳng xâm, dè dặt nết na, với một con vi trùng nhỏ bay cũng không nở làm tổn nó.

Đây là nguyện sau khi sanh ra đời liền gặp ngay vị thiện tri thức, vào đạo giữ giới cấm do thầy đã truyền trao.

Những xứ ở nơi biên cương (bìa ranh) ít có văn hóa của Thánh hiền phổ cập thì phần nhiều là kẻ ngu ngoan bạo ác và tự cường; dầu sao cũng còn dã man; còn Trung ương quốc độ, thường có Thánh hiền xuất thân, tiếp tục lấy văn tự, giáo pháp, lễ nghĩa, tiết hạnh và đức độ để dạy bảo khuyên răn. Nên chi hễ muốn vào đạo Thánh hiền, ắt phải sanh ở trung độ của nước. Xin chớ hiểu

lầm hai chi chữ "Trung quốc" là nước Tàu mà thành ra biệt ngại bất thông!

Từ thiện của thế gian, không thể gọi là chánh đặng, vì còn phân biệt lệch về chấp ngã, chấp nhân; tịnh thiện của xuất thế gian mới gọi là chánh, vì hai chấp đã không, ba vòng chẳng có. Nên chỉ dùng kẻ chơn chánh học Phật là chánh tín, chánh thiện, bởi không tham nhiễm và chấp trước.

"Xuất gia": Ra khỏi nhà, có ba nghĩa:

1. Xuất hồng trần gia: ra khỏi nhà bụi hồng. Là lòng xa lìa trần cấu phiền não, chữ gia là gia thất, nó hàm có những nghĩa ân ái, phiền lụy, nên Tỳ bà sa luận nói: "gia là phiền não nhơn duyên, kẻ xuất gia là vì dứt trừ cấu lụy, nên phải xa lìa". Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: "Qua khỏi cửa này, là La hán ra khỏi trần".
2. Xuất tam giới gia: Ra khỏi nhà tam giới. Đại thừa Bồ Tát, đại thừa cư sĩ như Duy ma cật, vì tâm đã dứt hết cửu phẩm mê hoặc cả tam giới tức A la hán, đều là hạng "tâm xuất gia". Tâm giải thoát ngoài tam giới.
3. Xuất vô minh gia: ra khỏi nhà không sáng. Nghĩa là: Cái tâm ám độn không có ánh trí chiếu rõ sự lý của các pháp. Vô minh tức là tên riêng của si mê, vô minh nó hòa hợp nhau với tham mà sanh ra ta; vô minh tỷ là cha, tham ái tỷ là mẹ Kinh Lăng Già cuốn 3 nói: "Tham ái gọi là mẹ, vô minh thì là cha, người xuất gia trước phải diệt cha mẹ ấy". Tứ giáo nghi nói "Từ biệt (diệt) hẳn cha mẹ vô minh, cứu cánh lên đảnh núi Niết bàn". Nên nói ra khỏi nhà vô minh.

Vả lại, **thân xuất gia**: các Bí-su bên tiểu thừa, và Bồ Tát tăng bên đại thừa; **tâm xuất gia**: cư sĩ tu Bồ Tát bên đại thừa. Như các ông: Duy ma, Hiền Hộ v.v... Lại nữa,1/ **thân xuất gia tâm chẳng xuất gia**: thân tuy ở giữa tăng chúng, tâm còn nhớ tưởng người nhà. 2/ **thân dù ở nhà, mà tâm đã ra khỏi nhà**: mặc dầu thụ dụng với thê tử, mà lòng chẳng mê đắm ái ân. 3/ **Thân tâm đều xuất gia**: Với bao cảnh tham dục, tâm không đoái hoài quyến luyến. 4/ **Thân tâm đều chẳng xuất gia**: Vẫn còn nguyên thụ dụng với vợ con, lòng quá ư mê đắm điều kia việc nọ (rút ở Pháp uẩn túc luận)

Đồng chân nhập đạo. Đồng: trẻ, son, một mình. Nghĩa: kẻ tuổi trẻ chưa có thất gia (vợ chồng) đúng hơn là trinh tiết, thì gọi là

Đồng, vì ngươn tình còn nguyên vẹn, chưa hề bị hành dâm tan mất, người mà ít biết gì đến ái tình, mới để xuất gia nhập đạo, bởi tự bảo đảm khỏi mèo na, hổ bắt!

Lục căn thông lợi: Nhơn vì đời trước, với giữa Tam bảo đã có công rất sâu dày về siêng tu tìm học, nên nay đủ căn tánh đi hành đạo xuất thế gian, thành thử, vừa thấy nghe đạo Phật là, đã tín thụ thông lợi liền.

Tam nghiệp thuần hòa: Cái thân chẳng làm nghiệp ác là: sát sanh, thâu đạo và tà dâm; cái khẩu không nói lời ác là: vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, và ác khẩu; các ý chẳng niệm điều ác là: Tham lam, sân hận và si mê. Với khi hành động, lúc yên nghỉ, đều chỉ một niềm tinh tịnh, gặp sự gì cũng không bạo động tàn ngược, nên gọi là thuần hòa.

Bất nhiễm thế duyên: Nhiễm: nhượm, dơ. Thế duyên, tức là các: ngũ dục (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn sang, ngủ sướng), sáu trần (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp) sanh và diệt. Đối với sáu trần, thì, sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), nó thường ưa sanh ra những quan niệm vọng tưởng bằng: ái, ố... cả thất tình, rồi ra gây nhiều tội lỗi, nên phải cấm, giữ lấy phạm hạnh là hạnh kiểm thanh tịnh, mà dứt hẳn những điều tập quán tham nhiễm để ngăn dứt cái nghiệp nhân của thân khẩu ý, nên gọi là bất nhiễm.

Phạm hạnh: cái tâm hạnh trong sạch không ô nhiễm. Nghiêm cấm mà chẳng phạm gọi là giới. Trần nghiệp tức là thế duyên. Xâm: lấn tổn, nhiễu nhương. Lòng tin thành gìn giữ, là nghiêm hộ. Vì nghiêm chính, nên khiến người kính nể, là UY. Vì hạnh vuông vức (đúng đắn), khiến người khá noi gương lấy mực, là nghi. Chính rằng cái cách thức hay gương mẫu để làm chánh đạo.

Cấm giới: mười điều răn của Sa-di và các giới của Bí xu, Bí xu ni, thức xoa ma na; lại, trong giới Bí xu đủ có 3000 uy nghi, tám vạn hạnh vi tế.

Quyên phi: các loài trùng rất nhỏ mà có cánh biết bay như: muỗi, mòng v.v... Vô tổn: Tức chẳng nở giết hại, rằng: với các loài chỉ biết bò biết bay mà thân mạng nó rất nhỏ, nhà tu sĩ còn thường phải năng thương giữ hộ thay, huống chi với tất cả vật có sanh mạng lớn ư?

BA NGHĨA XUẤT GIA

1, xuất thế-tục-gia	Tức là cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa hoại màu ; kinh nói : ở nhà thế hẹp hòi bực bội, tỷ như lao ngục hành-động bó buộc ; xuất rộng rải như hư không đi lại không ngăn.
2, xuất tam-giới-gia	Tức là phá hết phiền-não của kiến-hoặc tư-hoặc, khỏi chịu mang cái thân phận-đoạn sanh-tử nữa, như các thánh Sơ-quả, nhị quả, tam quả, Bích-chi....,
3, xuất vô-minh-gia	Tức là phá rồi phiền não vô-minh, khỏi cái thân biến dịch sanh-tử, như : thập-địa bên Biệt-giáo, thập-trụ bên Viên-giáo, ra khỏi từ phần vô-minh, chỉ bực Diệu-giác của Viên-giáo mới hoàn-toàn ra hết vô-minh, kêu là tam-giác viên-minh, tức là quả Phật.

8 VẠN HẠNH NHỎ

Hành Trụ Tọa Ngọa	đều 2 trăm 5 mươi giới thành 1000	Nhiếp hữu tình Nhiếp thiện pháp Nhiếp luật nghi	Cả ba tụ tịnh giới mỗi tụ đều có một nghìn, thành ba nghìn, thế thì gọi là ba ngàn oai nghi
Dâm-dục Sát-sanh Thâu-đạo Vọng-ngôn Kỷ-ngữ Ác-khẩu lưỡng-thiệt	7 chi đều — Có 3 ngàn — thì thành 2 — vạn 1 nghìn	Tham-lam — Sân-hận — Si-mê — Đẳng phần	4 phiền-não đều đủ 2 vạn một ngàn thành 8 vạn 4000, Lăng-Nghiêm nói : 8 vạn tế-hạnh đó là nói con số lớn vậy thôi. Cũng gọi là 8 vạn 4 nghìn luật nghi

Bất phùng bát nạn, bất khuyết tứ duyên, bát nhã trí dĩ hiện tiền, bồ đề tâm nhi bất thoái; tu tập chánh pháp, liễu ngộ đại thừa, khai lục độ chi hạnh môn, việt tam kỳ chi kiếp hải:

Chẳng gặp tám nạn, không thiếu bốn duyên, trí bát nhã hiện tức thời, lòng bồ đề không lui sụt; học tu chánh pháp, rõ chứng đại thừa, mở cửa hạnh sáu độ, vượt kiếp lớn ba kỳ.

Đây là ngoài thì phụ giúp, trong thì tự dấy để đủ về công viên tu thì quả mới viên chứng đặng.

Với điển bát nạn sẽ chỉ rõ ra cái biểu đồ sau kia, vì tám chỗ ấy vẫn chẳng được gặp Tam Bảo nên nói là nạn: Bị chướng ngại!

Tứ duyên có hai điển: 1/ duyên thấy, duyên nghe, duyên hộ pháp, và có cái duyên để phát tâm; vì bốn cái duyên ấy đều hay để giúp ích cho cội bồ đề được tăng trưởng. 2/ có bốn cái duyên về bốn sự; y phục, ngọa cụ, ẩm thực, và thang dược đó là những dưỡng liệu bên ngoài để giúp cho sắc thân đủ sức khỏe để giúp bên trong phát khởi tiến triển, nghĩa là: Ngoài nhờ sự, sống bằng bốn duyên, trong đấy trí khôn của bát nhã. Hễ trí bát nhã đã sáng suốt, thì tâm bồ đề tự nhiên tăng tiến chứ không lui, hằng giờ tu chánh pháp, mỗi ngày nâng cao giáo thừa lên.

Đại thừa là: Nhứt Phật thừa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phật nói rằng: chỉ có pháp nhứt thừa là đúng, còn hai thừa kia là nhị thừa, tam thừa đều là phi chơn. Vì là pháp phương tiện, bởi tạm quyền nhứt thời chi dụng, chớ phi cứu cánh.

Lục độ: Ta tu pháp bố thí là để độ cái tánh tham lam bón rít của ta, tu pháp trì giới là để độ cái tánh (tật, nghiệp) phá trai phạm giới; tu pháp nhẫn nhục để độ cái tánh sân nhuế phẩn hận; tu pháp tinh tiến để sữa chữa cái tật trễ nãi; tu pháp thiền định là để cải biến các nghiệp tán tâm loạn tưởng; tu pháp trí huệ là để độ lành cái bịnh ngu si của ta. Chữ Việt là Vượt bổng qua.

A tăng kỳ: Phạm ngữ là: "Asamkhya" theo lớp cựu dịch mà ta đọc là a tăng kỳ, dịch chữ: vô số, nghĩa: Nhiều vô số kể. Lớp tân dịch mà ta đọc là a tăng sí da, phạm ngữ là: "A Sanikhyeya" dịch chữ: Vô ương số, "vô ương" cũng như "vô lượng" nghĩa như trên. Trí độ luận chép là: a tăng kỳ dịch là vô số, sách Huyền ứng âm nghĩa cuốn 24 chép là: A Tăng sí da, dịch là vô ương số, a tăng kỳ là con số cực lớn của toán học xưa ở Ấn độ: Dùng muôn lần muôn làm một số ức; muôn lần ức làm một số triệu mãi như thế bội bội

tính lên, thì một a tăng kỳ kể có: một ngàn, muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn triệu.

Như bên Tạng giáo: Mang nghiệp chịu sanh trải qua ba a tăng kỳ kiếp tức là vô số kiếp tu hành theo đạo nghiệp của Bồ Tát làm những hạnh khổ mà người đời chưa làm được, Bồ Tát tu nhiều kiếp như thế kia, để hành lắm việc khó làm như thế nọ mới chứng đắc quả vô thượng là Phật.

Nay đây, bên Viên giáo: Trọn phần thành lập bản chương trình tu nhơn chứng quả cho chúng sanh, đến bực tứ địa mà với phần quả địa rồi là trọn phần nhơn chơn tu, để trọn phần dứt vọng hoặc, với lý thì chứng ngộ không sai, nên nói là vượt tam kỳ kiếp hải. (quả địa, là: Y theo vị trí nơi "Nhơn" nào để tu hành, thì đắc cái địa vị chứng ngộ về pháp gì là kết quả nấy; cả 3 thừa đều có quả địa khác nhau, giữa Thinh văn thừa lại còn có bốn quả riêng biệt. Kinh Lăng Nghiêm chép: chỗ nhơn địa phát tâm là đồng hay là dị nhau với chỗ quả địa giác. Trên cuốn thứ sáu, sách Huyền ứng chép: Quả địa đã tròn tột rồi, thì chẳng còn nhơn vị.

Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng, hàng phục chúng ma, thiệu long Tam bảo; thừa sự thập phương chư Phật, vô hữu bì lao, tu học nhứt thế pháp môn, tất giai thông đạt; quảng tác phước huệ, phổ lợi trần sa; đắc lục chủng chi thần thông, viên nhứt sanh chi Phật quả.

Dựng cờ chánh pháp khắp nơi nơi, xé lưới tà nghi luôn lớp lớp, dẹp thắng bốn quân Ma, tiếp rân ba ngôi báu; vâng thờ mười phương chư Phật không biết nhọc nhằn, tu học tất cả pháp môn thảy đều thông suốt; rộng ra làm đủ phước đức và trí tuệ, để lan khắp lợi cho nhiều chúng lắm loài; đều đắc phép thần đủ sáu món đồng tròn quả Phật ngay một đời,

Đoạn đây là: Với trên, cầu đắc pháp mầu, với dưới dạy tu chung tròn quả Phật. Dựng cờ chánh pháp là: thuyết pháp độ sanh; kiến: dựng lên; cờ tức là phướn: cao sáng. Nghĩa: Thí tỷ chánh pháp của Phật rất cao sáng, khiến cho đâu đâu cũng đều trông thấy mà nảy lòng kính tin. Lại nữa, còn nghĩa là tồi tà phụ chánh: Thí tỷ việc thuyết pháp là khiến cho thính giả xả tà quy chánh. Vì có hai nghĩa trên, nên bảo là Pháp tràng (cờ chánh pháp hay là cây phướn). Đi nói pháp khắp pháp giới để tùy theo trình độ của mỗi loại mà tế độ chúng sanh, nên gọi là xứ xứ (nơi nơi).

Chúng Ma: Ma nó hay cướp đoạt cái mạng của kẻ tu hành chánh đạo. Phạm ngữ là Ma ra, dịch nghĩa là: hay cướp mạng, làm chướng ngại, làm rối rắm, làm phá hoại, làm não hại. Đức chúa trời ở cõi trời thứ sáu của Dục giới là Ma vương quyến thuộc của ông là dân Ma, người Ma. Các kinh luận của cựu dịch viết bằng chữ Ma là mùi. Lương Vũ Đế đem chữ Quỷ thay vì chữ Thạch thành ra chữ Ma là ma quỷ. Nay xét: Chữ Ma, bằng bộ thạch là đúng theo danh từ đọc đủ tiếng phạm là Ma, ra, vì dịch âm chứ đâu phải dịch nghĩa; còn Vũ đế thay, chữ Quỷ vào thành chữ Ma bằng bộ Quỷ, là dùng theo nghĩa rằng nó hay phá hoại cướp hại mạng người tu.

Ma có bốn thứ: 1/ phiền não ma, vì các điều phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi v.v... Nó hay làm tổn thương não hại nơi thân tâm, nên bảo là Ma. 2/ Ấm ma. Lại kêu rằng ngũ chúng ma, tan dịch là uẩn ma, vì năm món sắc, thụ, tưởng, hành, thức nó hay sanh ra mỗi mỗi điều khổ não nữa, nên gọi là ma. 3/ Tử ma: Vì cái chết nó hay dứt cái căn (gân máu) sanh mạng của người nên nói nó là Ma. 4/ Tha hóa tự tại thiên tử ma, tân dịch rằng tự tại thiên tử ma: Đức Chúa Trời Ba Vương tên là Ba Tuân ở từng trời thứ sáu (tức là trời tha hóa tự tại) cõi Dục giới. Trời ba tuần đây chính là nghĩa của chữ Ma Ra. Còn Tử Ma mới thật là đoạt sanh mạng, mấy Ma kia đều là cái nhân duyên phụ để đoạt mạng. Thấy trí độ luận và nghĩa lâm dương đồng nói như thế. Mà Bồ Tát hay dùng sức trí huệ để chiến thắng tất cả Ma quân, La hán cũng có một nghĩa là sát tặc: giết cả sáu giặc.

Lục thần thông: Thần: chẳng thể xét lường được, như thần kỳ, thần diệu, nghĩa là hay lạ lùng lắm: thông: Suốt, không chi ngần ngại. Các thánh trong ba thừa đắc sáu món trí huệ rất tự tại rất thần diệu chẳng thể xét lường, không chi làm trở ngại, nên gọi sáu phép thần thông:

1/ Thần túc thông: Đắc phép thông lực, lội đi qua lại rất tự tại núi sông không làm trở ngại. 2/ Thiên nhãn thông: Đắc con mắt trời sắc giới, chiếu lâu không ngại 3/ Thiên nhĩ thông: đắc lỗ tai trời sắc giới, nghe suốt không ngại, 4/ Tha tâm thông: Biết thấu tâm niệm những kẻ khác không ngại. 5/ Túc mạng thông: Biết tất cả nghề nghiệp. Từ nhiều đời trước của ta và chúng sanh đều không ngại. Với năm thông trên, đều do tu pháp thần hữu lậu hoặc nương nơi sự thuốc, sức thần chú mà chứng đặng, nên các người tu

tiên bên ngoại đạo cũng có thể chứng được, cả năm ấy đều gọi là trí chứng thông nữa, là: Bởi y nơi trí mà chứng được thông lực ấy trong Cu xá luận chép như thế. Sáu lậu tận thông: Tu pháp tam thừa tiến đến cực điểm, các lậu là tất cả phiền não đã dứt hết không còn ngần ngại. Duy có các thánh tam thừa mới chứng được cái thông nầy mà thôi, chứ trời, tiên ngoại đạo đều chẳng có, vì tâm phiền não hãy còn!

Lại chia 3 hạng: 1/ Báo đắc thông: Các ông trời ở ba giới đều có năm phép thần thông; nhẫn đến quỷ, thần cũng có một hai thông, vì thần thông ấy đều nương nơi quả báo nên nay cảm đặng bằng cách tự nhiên. 2/ Tu đắc thông lực: Nguyên các thánh trong tam thừa do tu pháp tam học mà đắc lực thần thông; người tiên bên ngoại đạo do tu thiền định mà hiện đặng năm phép thần thông, biến hóa thông lực. Các thánh trong tam thừa dùng sức thần thông để biến hóa ra mỗi mỗi phép thần. Lại, chư Phật, Bồ Tát, duyên giác, thinh văn và ngoại đạo tiên nhơn do tu đắc thì đều gọi là "thần thông", mặc dầu khác nhau bằng năm thông sáu thông: còn những thông lực của các loại: Thần, Quỉ, Chồn Cáo sở đắc đó, thì đều gọi là "Nghiệp thông", vì các loại ấy do nơi nghiệp lực mà đắc thông.

Thành quả Phật ngay một đời: tức là bực Đẳng giác ngôi nhứt sanh bổ xứ; từ ngôi đây phát khởi ra cái tánh trí kim cang để chiếu phá hết một phần sanh tướng vô minh, tức là bực Diệu giác Cực quả, để chứng cái tánh tâm viên mãn pháp giới.

Nhiên hậu bất xả pháp giới, biến nhập trần lao, đẳng quan âm chi từ tâm, hành phổ hiền chi nguyện hải; tha phương thử giới trục loại tùy hình, ứng hiện sắc thân, diễn dương diệu pháp:

Sau nầy, chẳng rời tánh pháp giới, khắp vào cõi trần lao, đồng với lòng từ của đức Quan Âm, làm cả biển nguyện của đức Phổ Hiền; cõi nầy phương nọ, theo loại hiện tình, để ứng hiện sắc thân, đặng diễn nêu pháp nhiệm.

Đoạn nầy là nói: Sau khi chứng quả, tùy theo căn cơ của chúng sanh, để phổ hiện hóa thân ra mà thuyết pháp dạy tu.

Nhiên hậu là lời thừa tiếp đoạn trên, phát khởi xuống đoạn dưới.

Tánh pháp giới, là cái danh thủ đô của nhứt tâm, cũng chỗ qui thú của vạn pháp. Số là, tự tâm đã thanh tịnh, thì thể nó khắp trùm mười phương, nên chi chẳng rời cái tâm pháp giới của Phật

quả, mà vẫn khắp vào những cảnh trần lao giữa lục đạo. Như: Đức Quán Thế Âm có ba mươi hai ứng thân để thị hiện khắp nơi các cửa nhà đó lại như đức Phổ Hiền có nguyện lớn sâu như biển cả vô cùng, lan khắp pháp giới để làm lợi ích chúng sanh, vì cũng hóa hiện ra nhiều thân hình bằng cách tùy theo các cơ cảm, để thuyết đủ pháp mầu.

Hỏi: Ứng thân có đồng hay không đồng nhau với hóa thân?

Đáp: cứ theo kinh Đồng tánh và Kinh Kim Quang Minh, thì: Ngoài ứng thân, có thành lập ra hóa thân nữa, thế là hai thân ấy sai khác nhau. Luận Khởi Tín thì với ngoài ứng thân, không thành lập hóa thân nữa. Đến như các bộ Duy thức luận, Pháp hoa luận, thì ngoài hóa thân, chẳng thành lập ứng thân. Thế thì Hóa thân tức là ứng thân.

Nê Lê khổ thú, ngạ quỷ đạo trung, hoặc phóng đại quang minh, hoặc hiện chư thần biến: Kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát bồ đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ:

Với cảnh địa ngục khổ, trong đường Ma quỷ đói, hoặc buông ra ánh chiếu sáng lớn, hoặc hiện phép thần biến hóa nhiều: Những chúng thấy cái tướng tôi, nhẫn đến nghe danh tôi, đều dấy lòng bồ đề, ra khỏi khổ luân hồi.

Đây nói cứu khổ cho ba ác đạo bằng cách tổng quát: Nê Lê tức là địa ngục đạo, vì bị tội khổ hành chịu không phút nào ngừng! Chúng sanh trong giới ngạ quỷ hằng giờ chịu mãi cái tội khổ đói khát!

Giữa súc sanh đạo: thì lại thường ăn tươi nuốt sống lẫn nhau, như kiến ăn cá cá ăn kiến, rắn nuốt nhái, loài lớn ăn loài nhỏ, thứ mạnh ăn thứ yếu v.v... những chúng sanh trong ba đường ấy là hạng chịu cực kỳ thống khổ!

Nay đây các Bồ Tát sau khi đắc quả rồi, hoặc phóng hào quang chiếu đến khiến cho chúng kia được giải thoát! hoặc hiện thần biến tướng ra khiến cho chúng nọ sanh tâm kính tín, để cùng nhau vẫn khỏi cái khổ luân hồi, siêu sanh về nước Cực Lạc.

Hỏa hoạch băng hà chi địa, biến tác hương lâm, ẩm đồng thực thiết chi đồ, hóa sanh tịnh độ:

Những chỗ vạc lửa hừng, sông giá lạnh, đổi làm rừng thơm: mấy loài ăn sắt nướng, uống đồng sôi, hóa sanh cõi tịnh.

Trên kia nói bằng cách tổng quát; giờ đây nói bằng cách riêng biệt: để hóa độ các sở địa ngục.

Vạc lửa, là: tám sở địa ngục nóng. Sông giá, là: tám chỗ địa ngục lạnh. Nay đều nương ánh từ quang chiếu đến cả thảy liền hóa thành cảnh tịnh độ.

Phi mao đới giác, phụ trái hàm oan, tận bãi tân toan, hàm triêm lợi lạc.

Các loại: mang lông đội sừng, thiếu nợ ngậm hờn, đều thôi những khổ đắng cay, đồng hưởng lắm vui lợi ích.

Đây cũng nói riêng biệt cảm hóa về súc loại; nay chỉ nói một loài tẩu thú là để gồm thâu hết tất cả các loài súc sanh ở: trên không, mặt đất, và dưới nước rồi.

Thiếu nợ ngậm hờn, là: Súc sanh đều chuyên lấy sự ăn nuốt lẫn nhau đó, là cũng cốt vì để đền trả lại cái thiếu nợ bằng cách ăn thịt nó từ kiếp trước, nên kiếp nầy phải bồi thường túc trái bằng cách để cho nó ăn thịt lại mà trừ, kêu rằng: tham tha nhứt luyến luyến hườn tha, nghĩa là kiếp trước ta ăn một miếng thịt của nó, thì đời nay phải trả lại cho nó ăn một miếng thịt của ta. Nhưng chúng ta đương bị cái hôn mê giữa thân này cách với thân trước, nên ấm muội mà không thấy biết gì được! chứ nếu chứng được cái tri túc mạng thông, thì tự phá tan cái mù hôn mê tức thấy biết được những việc mấy đời trước như việc trong giấc nằm mộng và lúc đã thức dậy; với sự gì từ bữa hôm qua.... và hôm nay vậy thôi.

Lại nữa, chúng sanh giữa lục đạo, đều có túc trái, đời đời cứ kết dây oan trái với nhau mãi chẳng thôi như thế kia, nay đều thôi dứt hết những điều cay đắng, và cùng nhuần thấm lợi ích yên vui giải thoát.

Tật dịch thế nhi hiện vi dược thảo, cứu liệu trầm kha, cơ cẩn thời nhi hóa tác đạo lương tế chư bần nổi:

Với thời có tai tật dịch, hiện ra làm thuốc men để cứu lành bịnh trầm kha; với cơn xảy nạn đói ngu, hóa ra làm lúa bắp, để giúp yên vùng bần nổi.

Đây là đức Từ hóa hiện ra để cứu khổ tai nạn Thân nhướm điều dữ nổi lên là nghĩa chữ Tật; cái tật ấy nó quá lắm, là nghĩa chữ Bịnh. Loài Quỷ nó hay thừa dịp có khí độc để làm cơn ôn hoàng dịch lệ. Dân chúng đều cái tai bịnh ấy, là nghĩa chữ Dịch tả. Trị cái chứng bịnh ấy lành là nghĩa chữ Liệu. Trầm kha là bịnh rất trầm trọng. Không lúa thóc là nghĩa chữ Cơ; không cải rau là nghĩa chữ Cẩn. Lúa hột còn ở ngoài ruộng là nghĩa chữ Đạo; đã thâu hoạch về nhà vựa là nghĩa chữ Cốc. Thóc ra trấu rồi là nghĩa chữ

Mễ chữ Lương là thứ bắp cao giàn. Chung gọi thì có sáu giống thóc, là: Đạo, lượng, thục, mạch, thử, tắc.

Nổi: đói, với các điều tai hại như nạn tật dịch nạn cơ cẩn, thì trong bốn phương thiên hạ không chỗ nầy tất chỗ nọ thường thường có xảy ra đều bởi chúng sanh đồng tạo một thứ nghiệp từ đời trước mà nay đến ngày giờ đủ điều kiện gây nên.

Còn nếu như tiểu tam tai của kiếp giảm kia: đến cái thời nó nổi thì cùng khắp cả trái đất, loài người đều bị tai ấy, là bởi những chúng sanh đồng nghiệp đã tạo phần nhiều ác ấy.

Tiểu tam tai – Trong một kiếp trụ, có hai chục lần tăng giảm như hai chục tiểu kiếp cái mà nó nổi lên ở phần rốt kiếp giảm đó gọi là tiểu tam tai: 1/ Đao binh tai, vì loài người bấy giờ làm nhiều điều phi pháp, tâm sân độc càng thạnh, hễ vừa thấy nhau là liền dấy cái lòng tàn hại rất mãnh liệt, nên tùy theo tay cầm vật gì thì nó liền hóa thành gươm đao, nghĩa là tùy ý người muốn chi là nó hóa nấy, đặng để mà tàn sát lẫn nhau. 2/ Tật dịch tai, vì loài người bấy giờ cũng gây các điều tội ác như trên, nên ai ai cũng thở cái độc khí ác nộ ấy ra như khói un cùng khắp, các loài ôn hoàng lợi dụng những hơi độc đó đem đi làm tật dịch mỗi nơi hễ ai xuông đụng độc khí bị quỷ hành đó, thì thổ tả chết liền. 3/ cơ cẩn tai, vì thôi nhơn cũng bởi lòng ác nghiệt như trên đó, nên các vị thiên long không điều khiển chừng mực, thành thử mưa gió nắng tạnh không điều hòa, mùa màng thất lợi, thế gian bị đói lâu, nên phần nhiều bị mạng chung.

Cu Xá Luận cuốn 12 nói: từ lúc mà các chúng sanh do thân khẩu ý dấy đủ mười ác nghiệp, lần lần lại càng tăng trưởng đến bực thập ác hạng nặng; bấy giờ loài ở châu diêm phù nầy tuổi sống giảm giảm lần lần mãi đến cái thời mà mỗi người chỉ còn mười tuổi là trọn đời, thì có cái tiểu tam tai hiện ra. Tiểu tam tai ấy nó hiện vào khoảng rốt kiếp trụ. Đao binh tai lưu hành chỉ có bảy ngày đêm; tật dịch tai lưu hành bảy tháng bảy ngày: cơ cẩn tai lưu hành bảy năm bảy tháng bảy ngày. Qua khỏi là hết kiếp trụ.

●

Đối với cái thời tật dịch, cơ cẩn ấy, lòng từ bi bắt buộc, nên các Bồ Tát hoặc hiện ra làm các thứ dược thảo, đem cứu khắp nơi lành bịnh trầm kha; hoặc biến hóa làm các lúa bắp, để giúp đỡ cả vùng cơ cẩn, sau rồi cảm hóa chúng vào đạo Phật.

CUỐI KIẾP GIẢM TIÊU TAM TAI

Tuổi sống người giảm xuống

Chỉ còn 30 tuổi là mãn đời, thân lượng dài còn 3 thước, bấy giờ có cơ cẩn tai nôi lên suốt bảy năm đại hạn

Chỉ còn 20 tuổi là mãn đời, thân lượng dài còn 2 thước, bấy giờ có tật dịch tai nổi lên suốt bảy tháng mới dứt.

Chỉ còn 10 tuổi là trọn đời, thân dài còn chỉ 1 thước, có đao binh tai nổi lên luôn 7 ngày mới chấm dứt.

Đản hữu lợi ích, vô bất hưng sùng:

Hễ việc làm mà có ích cho người lẫn ta, thì đâu chẳng chấn hưng sùng bái.

Đây kết thúc về chỗ rộng ra dấy làm việc Phật. Sùng: cao, chủ: Số là tu theo bực nhị thừa thì, trí thức chỉ lệch mạnh về phần tự lợi, mà yếu sút về phần lợi tha, nên chi các nhà tu sĩ bên nhị thừa thường ưa trốn tránh cảnh ồn áo, để ngắm xem chốn vắng lặng. Trái lại, người hành Bồ Tát đạo chẳng phải thế: bởi cơ quan đại tác dụng không ngần ngại, vì đối với việc chí, cảnh ngộ trường hợp nào hễ có ích lợi cho người lẫn ta, thì đâu chẳng tiến tới mau lên ra công tác ư?

Thứ kỳ lũy thế oán thân, hiện tồn quyến thuộc: xuất tứ sanh chi cốt một, xả vạn kiếp chi ái triền, đẳng dữ hàm sanh, tề thành Phật đạo.

Kế đó, nguyện cho kẻ thân người thù từ lắm kiếp, và những đấng quen thuộc hiện còn: đều lên khỏi cái khổ chìm nổi biển tứ sanh, đồng dứt buông cái dây ái ân vùng vạn kiếp, cả đến mọi loài, chung thành Phật đạo.

Đây lại phát ra cái nguyện bình đẳng. Lũy là chồng chất. Thứ kỳ là lời thừa tiếp văn trên để lập lại dấy xuống văn dưới. Cốt một là vừa nổi vừa chìm mà người ta gọi là giả gạo, tùy theo mực nước cạn sâu, mà trồi lên hụp xuống có mau chậm. Hàm sanh: phàm là loài có thể cục cựa nhúc nhích được đó là chúng nó đều có linh thức và tánh biết của nó; đã tánh biết thì đều có thể có ngày nó hồi đầu lại để tự tỏ ngộ bổn tánh Phật của nó. Số là:

Từ kiếp vô thỉ (không đầu, là không biết đầu từ đâu?) từ thuở có sanh loài người lại nay, tất cả người thân thuộc, kẻ oai gia, đều chìm nổi cũng như đầu vào trôn ra nơi bể tứ sanh là: Noãn, Thai, Thấp, Hóa, từ tình ái nầy đến tình ái nọ, cứ thế vấn vương

riết chặt với nhau mãi trong cuồng tơ vô hình là sanh tử vạn kiếp; nay ta nguyện cho tất cả chúng hữu tình kia với chúng ta đây đồng thành Phật đạo.

Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí:

Cõi hư không có hết, lòng nguyện tôi chẳng cùng, chúng hữu tình và chúng vô tình, đồng tròn giống trí Phật.

Bốn câu chót đây là kết thúc về tâm nguyện vô cùng vô tận.

Tình tức là loài có tình thức, cả chánh báo chúng sanh; vô tình tức là phần vô tri vô giác cả cõi y báo thế giới.

Giống trí là giống Phật tánh; nguyên nó là căn bản thật trí; từ một niệm trái với chơn đó, thì toàn thể giống trí ấy nó biến thành ra cái vọng niệm, nếu biết quày đầu khiến chơn tánh tự sáng tỏ lại, thì toàn thể vọng niệm vô minh vẫn là giống trí Phật.

Hỏi: Với nghĩa rằng hữu tình thành Phật thì, tôi có thể biết được; còn chúng vô tình thì, làm gì cũng thành Phật ư?

Đáp: Y báo là quốc thổ, chánh báo là căn thân, đều do nơi nhứt tâm tạo tác ra. Kinh Lăng Nghiêm nói: tưởng trừng thành quốc thổ, tri giác nãi chúng sanh: phần tư tưởng nếu không hoạt động nữa mà ngưng lóng lại thì nó thành ra quốc thổ, là những vật vô tri vô giác; còn phần mà vẫn còn hoạt động, tri giác thì, nó thành ra chúng sanh, là những chúng có cảm tình tri thức. Thế biết rằng: hễ khi mà nhứt niệm mê, thì chánh báo nó cách ngại nhau với y báo; còn lúc mà nhứt niệm giác, thì thân căn lẫn rỗng nhau với quốc thổ. Lý do là hễ tâm niệm thanh tịnh tất nhiên Phật thổ tự thanh tịnh; một bằng chứng hiển nhiên nầy nữa: hễ tâm của nhơn loại đều thanh tịnh, thì quốc thổ cũng đều bình tịnh yên vui; còn khi mà tâm loài người đồng bạo động chiến tranh, thì quốc thổ cũng đồng uế ác loạn khổ. Vậy biết: hễ nhơn sanh mà được vui hay bị khổ, là bởi nhơn tâm thiện tịnh hay ác động, mà đến nước nhà cây cỏ cũng chịu ảnh hưởng chung số phận. Thế thì, niệm mê niệm ngộ tự tâm, uế độ, tịnh độ cũng tự tâm đến hữu, tình, vô tình cũng tự tâm, thì ra, với giữa vạn hữu vũ trụ, tùy ý bốc lên một cái gì đó nó đâu chẳng phải là cái của thanh tịnh diệu tâm, vì hễ còn tưởng trừng tức quốc độ, hết tưởng trừng tức tri giác. Nên bên cực lạc tịnh độ: nước, chim, cây, rừng... đều thường ngày hằng giờ vẫn đồng thuyết pháp vì loài ngươi bên ấy đều đồng giác ngộ rồi, nên quốc độ tức chúng sinh, chúng sanh tức quốc độ, cũng như nói:

cảnh tức tâm, tâm tức cảnh cho nên nói tình dữ vô tình đồng viên chủng trí.

[1] Minh Chú: bên Tiểu thừa bộ Độc tử thành lập ra 4 tạng: ngoài 3 tạng Kinh, Luật, Luận, thêm một tạng nữa là Minh Chú tạng, Minh Chú là Đà La Ni lạiTiểu Pháp tạng bộ cũng lập 5 tạng:2 Kinh tạng, 3 luật tạng, 4 Minh chú tạng; 5 bồ tát tạng. Vậy biết rằng: minh chú tức là Đà La Ni, cũng tức là Thần chú.
[2] Cây Như ý: Kinh Vô Lượng Thọ nói: cây Bửu thọ nơi đạo trường chỗ đức A Di Đà ngồi, với cây báu ấy, chúng nhơn ngó tưởng, muốn chi thì nó hiện ra món ấy cho dùng, nên gọi là Như ý thọ. Như ý châu, là từ nơi Bửu châu nầy nó hóa ra mỗi mỗi vật theo như ý ai muốn chi được nấy, nên gọi là Như ý. Trí độ luận cuốn 59 dẫn rằng; có chỗ nói từ nơi đỉnh của Long vương kết tinh sanh ra Bửu châu ấy, người nào được ngọc ấy, mang theo thân thì các thứ độc chẳng làm hại, vào lửa không cháy, nước không chìm, gươm đao không chặt đứt...bởi có các công năng trên nên gọi là bửu châu. Có chỗ nói: Xá lợi của Phật đến thời kỳ pháp của Phật diệt hết, thì xá lợi ấy đều biến làm như ý bửu châu để làm ích lợi cho chúng sanh. Tỷ như nước đóng gia lâu đủ một ngàn năm thì nó hóa thành ngọc pha lê, để làm vật quý cho đời.

Thứ như ý châu này không có màu sắc nhứt định, thể nó trong suốt rất nhẹ rất tốt những vật tượng trong vũ trụ đều hiện chiếu vào thân ngọc nó. Thứ báu nầy thường hay hóa ra tất cả vật quý báu như: áo quần thực phẩm, tùy ý ai muốn chi đều hiện nấy, để phổ thí cho cần dùng.

Kinh tạp bửu tạng cuốn 6 chép lời Phật nó: dưới biển có thứ cá Ma Kiệt tức là kình ngư con nào lớn nhứt thân dài 28 muôn dặm, thì trong đầu nó sản xuất thứ bửu châu ấy tên là Kim Cang kiên cố. Kinh quán Phật tam muội cuốn nhứt nói: Chim kim súy, đến khi già chết, quả tim nó cũng hóa thành như ý châu.
[3] Ngã kiến: nhận thấy trong thân tâm do ngũ uẩn vẫn giả hợp nầy, có cái ta cũng như cái hồn cho rằng nó là vẫn thường, vẫn một, nên gọi là ngã kiến. Sách đại thừa chương nghĩa cuốn 6 chúp: thân kiến, cũng là ngã kiến, với ngũ uẩn bảo là thân, trong cái thânnhận thấy có ta, phân biệt chấplấy có tên tuổi của ta, danh dự của ta, tự ái mê lầm, nên bảo là thân kiến.

[4] Với ba câu ấy, còn có vài cách đọc, khê khê, khê hế, khê hế; khi khi, khi hí,khi hí; khe khe, khe hé, khe hé..
[5] Trăm ức Kinh Hoa Nghiêm phẩm A tăng kỳ nói: 10 vạn làm một lạc xoa, lạc xoa là con số ức; 100 lạc xoa làm 1 cu chi. Cu chi có 3 hạng: một 10 vạn; hai 100 vạn; ba 1000 vạn. Ngài Huyền Trang Tam Tạng định số là ngàn vạn. Trong bài kệ trên, cai chữ Cu chi đó là gọi tắt hiệu "Tỳ Cu Chi Quan âm" cũng gọi tắt hiệu "thất Cu Chi Phật mẫu".
[6] Thất Cu Chi Phật Mẫu là tên riêng của Đức Chuẩn Đề Quan Âm, chính là một trong bảy vị thờ nơi viện. Đệ nhị Phật Mẫu trong đàn Mạn đồ lai bên Thai tạng giới cũng là một vị thứ 6 trong 8 vị Đại Quan Âm hiệu Tỳ Cu Chi Quan Âm. Có chỗ gọi là Thiên Nhơn Trượng Phu Quan Âm, tỏ rằng một vị lẫn giữa nhân đạo mà hay biến hóa. Bên Thiền tông thờ Chuẩn Đề làm một vị trong bộ Quan Âm. Bên Nhật Bổn, phái Đông mật thờ Chuẩn Đề làm một vị giữa 6 đức Quan Âm, thâu về bộ Liên Hoa. Phái Thiền mật thờ Thất Cu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề vào hàng Phật mẫu làm một vị nơi Phật bộ. Tượng Ngài 3 mắt, 18 cánh tay v.v...

--- o0o ---